**SESSION 15: INTRODUCING JAVA**

1. Java là gì?

* Là ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng(OOP). Cung cấp cho lập trình viên những tính năng ưu việt: đa luồng, strong type, bộ quản lý bộ nhớ tự động, hỗ trọ OOP,…
* Ngoài ta Java còn cung cấp cho người dùng platform khác nhau để tùy chọn khi sử dụng để xây dựng ứng dụng:
  + Java SE: Standard Editor => hay đc gọi là Java core.
  + Java EE: sừ dụng để xây dụng web.
  + Java ME: sử dụng để xây dựng cho các úng dụng điện tử.
  + Java Swing / Java FX: xây dựng ứng dụng cho desktop.
  + Android SDK: xây dựng ứng dụng obile trên hệ điều hành android.
* Một trong những tính năng nổi tiếng của Java được tóm gọn trong slogan của nó: “Write once, run everywhere”.
* JDK, JRE, JVM:

.java

Library

JVM

JRE

.class

Debugger

Compiler

JDK

javac

Trong đó:

* JDK: là công cụ để lập trình viên java phát triển các ứng dụng java.
* JRE: Môi trường thực thi.
* JVM: máy ảo Java.
* Phân biệt thông dịch và biện dịch:
* Biện dịch là quá trình dịch toàn bộ các file 1 lần, sau đó sử dụng kết quả của biên dịch mà kh cần làm lại.
* Thông dịch là dịch từng dòng lệnh, muốn chạy lại phải dịch lại lần nữa.
* Java là ngôn ngữ lập trình vừa thông dịch, vừa biên dịch

1. Kiểu dữ liệu:

Có 2 kiểu dữ liệu:

1. Kiểu dữ liệu nguyên thủy: có 8 loại.
2. Kiểu dữ liệu đối tượng.
3. Khai báo biến trong java:

Data\_type name\_variable;

* Trong đó:
  + Data\_type: kiểu dữ liệu của biến.
  + Name\_variable: tên biến.